

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số:99/2025/DS-ST

Ngày: 10-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vaytài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*BàĐặng Thị Kim Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*1.BàTrần Thị Phôi

2. Bà Phạm Thị Tú Nga

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thẩm tra viên Tòa án nhân dânthành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Địnhtham gia phiên tòa:Bà Trần Thanh Trang-Kiểm sát viên.

Ngày 10tháng4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơnxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10năm 2024vềtranh chấp hợp đồng vaytài sảntheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số29/2025/QĐXXST-DS ngày26tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số38/2025/QĐST-DS ngày 20/3/2025,giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 2 N, Phường H, Quận C, TP ..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức H - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B; địa chỉ: I M, P. T, TP Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 267/2024/GUQ-CNBD ngày 14/10/2024); có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Phương H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm H, thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14tháng 10 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sdo ông Trần Đức H, là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/8/2023, anh Ngô Phương H1 có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B (viết tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân. Căn cứ thu nhập của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh H1, số thẻ 472074-64515, với hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 33,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 14/10/2024 anh H1 đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 45.500.000 đồng, phí trễ hạn là 816.723 đồng, phí vượt hạn mức là 50.000 đồng, phí thường niên là 299.000 đồng, tiền lãi là 18.528.105 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.967.000 đồng. Từ tháng 02/2024 anh H1 đã không thực hiện thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở yêu cầu anh H1 trả nợ nhưng anh H1 không có thiện chí trả nợ. Do anh H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của anh H1 vào ngày 05/5/2024 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 05/5/2024 thành nợ gốc là 50.101.686 đồng. Tính đến ngày 10/4/2025 anh Ngô Phương H1 còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi là 73.660.626 đồng (trong đó vốn gốc 50.101.686 đồng, lãi quá hạn 23.558.940 đồng). Nay Ngân hàng TMCP Syêu cầu Tòa buộc anh H1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 73.660.626 đồng (trong đó vốn gốc 50.101.686 đồng, lãi quá hạn 23.558.940 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 11/4/2025 cho đến khi anh H1 trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Đây là khoản vay Ngân hàng cho cá nhân anh H1 vay nên Ngân hàng chỉ yêu cầu anh H1 trả. Ngoài ra Ngân hàng không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Ngô Phương H1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Ngô Phương H1 đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên xét xử nhưng anh H1 vẫn không đến Tòa để làm việc, do đó Tòa không lấy được lời khai của anh Ngô Phương H1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc anh Ngô Phương H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Stổng số tiền tạm tính đến ngày 10/4/2024 là 73.660.626 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Ngô Phương H1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Ngô Phương H1 phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng TMCP S tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 73.660.626 đồng (trong đó vốn gốc 50.101.686 đồng, lãi quá hạn 23.558.940 đồng) và trả tiền lãi phát sinh:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/8/2023, bảng tóm tắt sao kê đề ngày 10/4/2025 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định:

Ngày 15/8/2023 Ngân hàng TMCP S phê duyệt và đã cấp thẻ tín dụng cho anh Ngô Phương H1, số thẻ 472074-64515, với hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và anh H1 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh H1 đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 14/10/2024 với số tiền là 45.500.000 đồng, phí trễ hạn là 816.723 đồng, phí vượt hạn mức là 50.000 đồng, phí thường niên là 299.000 đồng, tiền lãi là 18.528.105 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.967.000 đồng. Từ tháng 02/2024 anh H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi thẻ tín dụng đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng theo như cam kết. Do anh H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/5/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của anh H1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 05/5/2024 thành nợ gốc là 50.101.686 đồng. Tính đến ngày 10/4/2025 anh H1 còn nợ Ngân hàng số tiền là

73.660.626 đồng (trong đó vốn gốc 50.101.686đồng, lãi quá hạn 23.558.940 đồng).

Xét thấy bị đơn anh Ngô Phương H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng (bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1), do đó Ngân hàng TMCP Syêu cầu Tòa buộc anh Ngô Phương H1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/4/2025 là 73.660.626 đồng (trong đó vốn gốc 50.101.686đồng, lãi quá hạn 23.558.940 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2025 cho đến khi anh H1 thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh H1 phải chịu 3.683.000đồng.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc anh Ngô Phương H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 10/4/2025 là 73.660.626 đồng (trong đó vốn gốc 50.101.686đồng, lãi quá hạn 23.558.940 đồng).

Kể từ ngày 11/4/2025 anh H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đã ký cho đến khi trả dứt nợ.

2. Về án phí:

2.1. Anh Ngô Phương H1 phải chịu 3.683.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.533.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000713 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND thành phố Quy Nhơn
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Kim Anh

